

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 8 (PHẦN 2)

Lại quán kế ở sau nói đạo phẩm, văn tướng đã lược, lại kết tươì khô cho đến ba thoát, hoặc ngăn chướng, kế ở sau nói đối trị ý, chỉ nêu bày việc trị không rảnh ở tướng hợp hạnh, ngoài tham dục, v.v... có mười hai trị, văn trước đã chỉ bày tức văn này, bốn phần đều có ba nên thành mười hai.

Kế giải thích trong văn, quán ở thân khác thành chín tướng, nên trị tham bên ngoài. Bối xả trước quán xương tự thân tiêu hao, cho nên trong năng trị, thắng xứ nhân ở xương của tự thân mình, quán thành tiệm kiến y chánh mười phương, cho nên năng trị tham dục của tự tha, trái pháp sân và sân thuận lý người khác, nên quán chúng sinh khởi tướng thân mình, thuận pháp sân là sân trái lý người khác, sự tuy thuận lý nhưng sân trái quán tâm, nên quán các pháp và chúng sinh không, cho đến Niết-bàn cũng không thật có. Hý luận sinh, khắp ở các pháp mà chấp tánh thật, hoặc chấp quyền phá thật, hoặc chấp thật phá quyền.

Như trong Tịnh Danh nói: Nếu nói ngã phải thấy khổ đoạn tập, này thời hý luận chẳng phải cầu pháp. Người Nhị thừa chấp quyền còn thành hý luận, hướng chi nay phàm phu tranh chấp đúng sai, phải quán pháp tánh không quyền không thật, dứt bật các tên gọi, hai đời ba đời nói đủ như trong quyển bảy. Nói một niệm là chẳng phải nói cực ngắn trong một sát-na, nghĩa là nghiệp thiện ác thành gọi là nhất niệm, khác với tướng hai đời ba đời trôi buộc, nên gọi là nhất niệm, đều là vô thường nên không có tánh thật, có đủ như trong thứ lớp pháp giới có giải thích, danh nghĩa trong Câu-xá, Bà-sa lựa bớt luận, có đủ bốn thứ mười hai nhân duyên;

1- Sát-na

2- Liên phước

3- Phân vị

4- Gần xa.

Ba thứ sau chỉ là nhân duyên ba đời để y cứ năng thuận sinh các thọ sau nên khai thành ba, trong luận vẫn thiếu nhân duyên hai đời.

Trong Đại luận hỏi: Phật nói nhân duyên rất khó hiểu, làm sao khiến người si quán sát ư?

Đáp: Chẳng phải trâu, v.v... khiến quán nhân duyên, câu thật đạo sinh ra tà kiến gọi là người si, ở trong chưa khai kế sau nói trong vị kế.

Nói: “Thử tức”, v.v... là không thấu suốt để lý lầm nói tức danh, sao lấy làm lạ chuột làm tiếng ri ri ngay tiếng là không có ý chỉ lẫn lộn với sinh tử tức là Niết-bàn, cũng như chim lạ phát tiếng giữa hư không đâu được lẫn lộn đồng với trùng lạp không Tam-muội, nên ở sau hợp lại nói, cho nên thành quái “thao”, là tham, hoặc trong ngoài ở sau an nhĩ, được là ở sau lìa ái, dùng xe lớn làm dụ cho như ở văn, sau bỏ mười pháp đều dụ cho xe lớn, đâu thể không tin Pháp Hoa là diệu thừa. Kế là sinh ở sau kết tất cả các pháp không ngoài mười thừa, cho nên dùng mười thừa kết nhiếp chung chỉ bày, cũng gọi, v.v... hội với phiên nào mười thừa quán pháp ở trước, tên khác khiến đồng, trước quán phiên nào tức là pháp giới, cũng gọi là hạnh ở phi đạo cho đến bất đoạn mà nhập Niết-bàn v.v... tức là hội tên khác của mười quán trước, nói rộng trở xuống nói rộng tên khác, gồm có ba lần ba mươi sáu câu, ba mươi sáu câu đầu đã nói Niết-bàn, Niết-bàn tức là đức ở giải thoát, này khai ngài Tịnh Danh không dứt phiên nào mà nhập một câu Niết-bàn, thành ba mươi sáu câu, ở đây hiểu khác văn y theo ý Đại luận, trong Đại luận nói: nếu pháp quán Bát-nhã cùng Niết-bàn của Phật, là ba thì một tướng, thật ra không khác, tuy là không khác, nhưng không khác mà khác, trong đây lại thuộc về đức giải thoát. Nay ban đầu nêu chỉ nói ba mươi sáu, lại từ một thứ căn bản mà nói, theo ban đầu nêu văn, tức là xuất nhập đều làm căn bản, cho nên căn bản ban đầu chỉ làm tên nhập, cho đến ra khỏi Niết-bàn mười sáu câu đầu, tức tự nêu bày nêu ra bốn câu căn bản, do đó ở sau kết nói, nếu đều lập hai bốn câu căn bản thì thành bốn mươi câu.

Hỏi: Vì sao lập hai bốn câu căn bản?

Đáp: Nơi phát sinh đều có khác nhau, lại có thể chỉ là khai hợp khác.

Khai: Tức là xuất nhập đều có bốn, hợp cùng làm một với căn bản, tức dùng xuất nhập xen nhau thành bốn, như nói đoạn nhập, không đoạn nhập, đoạn xuất hai căn bốn câu, ở hai câu nhập lại thêm câu thứ

hai thứ ba, ở hai câu xuất cũng thêm câu thứ ba, thứ tư, cho nên có ba mươi sáu và ba mươi khác nhau, song căn bản có bốn không cần chuẩn bị giải thích, đến sau giải thích văn hai câu căn bản đều ở trong nhập xuất hai cái mười sáu câu, nên biết thật cú chỉ có ba mươi hai.

Hỏi: Căn bản đều ở trong mười sáu câu, câu nào đúng?

Đáp: Đồng tức là đúng, văn nêu ở đầu bốn câu, nay cũng giải thích sơ lược.

Kế trong giải thích riêng tìm kỹ các câu, văn rất rõ ràng không phiên phải giải thích. Nay y cứ văn tướng hơi ẩn, lược là nêu ra tướng trạng ấy. Trong bốn câu đầu đều dùng phạm phụ ràng buộc gọi là bất đoạn, bốn câu thứ hai bỏ đều y theo thể chiếu, gọi là bất đoạn, trong bốn câu thứ hai, vừa đoạn vừa bất đoạn, nghĩa phải gồm cả hai.

1- Phân tích pháp gọi là đoạn, thể gọi là bất đoạn.

2- Đã là người học đã đoạn gọi là đoạn, còn các tên không đoạn.

Nói nhập là hoặc chưa hết phần được hữu dư, cũng gọi là nhập, cũng có thể nên nói phân tích thể vô học, sợ văn lằm, phi đoạn phi bất đoạn, lý thể song phi tánh ấy thâm chân, được gọi là nhập. Trong bốn câu, câu thứ nhất không được y theo trước làm cả hai đều giải thích, tức là lẽ ra trước sẽ vừa đoạn vừa không đoạn, là phân tích thể xong.

Kế đem hoặc đã dứt gọi là vừa nhập, các nghĩa chưa hết gọi là vừa không nhập, là câu khác nêu bày ở đây nên biết. Trong bốn câu thứ tư, câu thứ tư nghĩa cũng gồm cả hai, nêu bày trong bốn câu thứ hai, trước gồm hai nghĩa giải thích, mười sáu câu này phạm nói nhập, ý đều ở từ giả nhập vào không là so sánh khiến thành mười sáu câu, do phạm phụ ngoại đạo làm bốn câu thứ nhất, nên bốn câu đầu đều là quán không sở quán sở phá, mười sáu câu sau đều nói xuất, đều từ không nhập giả gọi là xuất, cũng thành mười sáu câu, so sánh nhập không mà nói, không giả này chánh ở tạng thông, nhưng nghĩa bao gồm ở Biệt Viên, như ở sau hỏi đáp trong phân biệt đủ nêu ra ý kia, lại mười sáu câu trước câu bốn căn bản ban đầu, tùy đều dùng nghĩa, mà gồm so sánh xong.

Đến sau, trong giải thích lại thuộc đối là chỉ bày tướng đồng nên so sánh trùng lập, trong xuất nêu bày nhập lẽ ra cũng nêu bày trước là vì biết đồng, nên chỉ thẳng nêu bày bốn câu căn bản, mà không giải thích tướng.

Kế nói xuất, trong bốn câu thứ nhất, câu thứ ba, đây là trung căn xuất giả Bồ-tát, phân đoạn phiên nào cũng gọi là bất xuất, lại có thể xuất giả gọi là cũng xuất, nếu người hạ căn dứt hết kiến tư mới được xuất giả, thời không nên nói vừa xuất vừa không xuất.

Câu đầu trong bốn câu thứ hai. Ban đầu ở Vườn Nai đã nhập vô học, không nhập Niết-bàn mà thường giúp Phật, cho đến trong Phương Đăng và Bát-nhã, cũng được nghĩa rằng Nhị thừa xuất giả, trong bốn câu thứ ba, câu đầu đây là thể môn gồm dụng phân tích, phân tích cũng là đoạn, thể là bất đoạn, lúc đầu nhập không gọi là vừa bất xuất, sau ất xuất giả gọi là vừa xuất, chẳng phải nói chánh dùng ba tạng phân tích pháp, nên đều nói là bao gồm, người Nhị thừa cũng vậy dùng thể bao gồm phân tích, trong câu thứ ba có phân tích có thể, nên nói vừa đoạn vừa không đoạn, đều là người Nhị thừa nên nói bất xuất, trong bốn câu thứ tư, hễ nói lý, tức là song phi, câu đầu nên nói phân tích thể chân lý, nói thể pháp chỉ là nói lược, ba câu sau đều nên nói lý, nói lý thể pháp Bồ-tát xuất giả, do xuất giả nên gọi là xuất, khi xuất giả đã có chân lý, dù là thượng căn cũng duyên lý trước, câu thứ ba, thứ tư là nói theo câu thứ hai.

Kế hỏi đáp trong phân biệt, nói thể pháp ý thông chung ba giáo nên so sánh phân tích thành bốn. Lại nói: Lại y phân biệt theo Biệt viên bốn môn, bốn môn như văn, nên nghĩa trong văn trước ở Tạng Thông nên lại so sánh hai giáo sau, hoặc lại y theo trước làm các tên phân tích thể nhập không xuất giả thâm chân, nêu ý Viên giáo nghĩa cũng nên như vậy, chỉ là biệt giới ngoại không giả, và thân với lý Trung đạo không thể nghĩ bàn, do này mà thành khác, văn dùng bốn môn Biệt viên, trong mỗi môn có bốn môn bốn tất, tùy theo tướng mạo ấy không đâu mà không có khác nhau.

Ban đầu nói nhập trong bốn câu căn bản, đã dùng Biệt viên cộng thành bốn môn, cho nên trong bốn môn nói bất đoạn, giới ngoài thể viên thể hoặc tánh không, nghĩa phải không môn, không vô sở đoạn cũng lại không nhập, nói đoạn nhập là giới ngoại phân tích pháp, thứ lớp dứt hoặc, đã có nghĩa sở đoạn thì phải có môn, có sở đoạn cho nên gọi là có nhập, môn thứ ba gồm dùng phân tích thể, môn thứ tư là phân tích lý thể, kế mỗi câu ở sau nói bốn môn khai thành mười sáu, lại do trong mỗi môn đều có đủ bốn nghĩa đoạn, lại dùng bốn nghĩa thuận theo bốn tất, do mười sáu tất thành mười sáu câu, như trong không môn, tuy thể thông suốt hoặc, gọi là bất đoạn, thế giới đã không sinh thiện diệt ác đến thấy lý, nên gọi là bất nhập, ba tất ở sau bất đoạn như trên, nếu là người trung thiện đã sinh, hoặc trong đối trị y theo trị về bệnh biên, gọi là nhập, không so sánh với bệnh nên gọi là bất nhập. Trong nghĩa bậc nhất lý tánh không đúng nhập và không nhập, còn ba môn, môn ấy tuy khác so sánh với bốn môn tất nghĩa ấy chẳng khác.

Kế lại ở sau, để bốn môn tất ở trong mỗi môn lại khai ra bốn môn, dùng mười sáu môn làm mười sáu câu, tức dùng không, v.v... so sánh bất nhập, v.v... đầy đủ như trong căn bản ở trước có nói, câu căn bản kia tuy gọi là không, vì không, v.v... trong đó lại có không, v.v... bốn nghĩa khác nhau, cho nên dùng sở khai không, v.v... bốn nghĩa cũng có thể so sánh với bốn nghĩa bất đoạn, v.v..., cho nên phân tích thể của hai giáo đều đủ ở nhập bất nhập, v.v... bốn nghĩa khác nhau. Nhập nghĩa là đến lý ắt như. Bất nhập nghĩa là lý vô sở nhập, câu thứ ba dùng lý nghĩa song chiếu, câu thứ tư lại dùng lý là song phi, song này cùng bất tức dùng thể phân tích, đều dùng đức làm Niết-bàn. Đã nói xuất là vì khởi dụng, nói nhập là khế hợp với lý, đoạn và bất đoạn nghĩa đồng với trước, một môn đã vậy ba môn cũng vậy, trong xuất tuy tức nhưng so sánh bốn môn, y theo nêu bày cũng phải so sánh bốn tất, chỉ là văn lược, kế này thì ở sau lại dùng Biệt Viên, gồm chung thông tạng, do thể xuống nhập phân tích tên đồng, nên suy nghĩ kỹ không thể ghi nhớ đủ.

Kế nói ba mươi sáu câu Bát-nhã, v.v... tuy nhân Niết-bàn y theo luận vấn khởi?

Đáp: Trong đây cũng ngay nơi đồng là khác thuộc Đức Bát-nhã.

Nói sinh, v.v... ở Đây y theo Đại phẩm chiếu nói phẩm trung, ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật, vì sao là phải Bát-nhã Ba-la-mật?

Đức Phật đáp: Sắc không sinh Bát-nhã sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng sinh Bát-nhã sinh, tuy trải qua các pháp, chỉ thành một câu, nay y theo câu này khai thành ba mươi sáu câu trong kinh từ sắc tâm cho nên chủng trí là thuộc về ý kinh, không thể bỏ qua mà chỉ nói các pháp, các pháp đã xa Bát-nhã thông sâu, nên y theo ba trí để giải thích Bát-nhã, cũng y theo ba đế, để giải thích các pháp, nếu làm cùng tên trước khác mà nghĩa đồng, các pháp chỉ là phiền não, Bát-nhã chỉ là Niết-bàn, Niết-bàn từ đoạn Bát-nhã từ trí, trí đoạn tuy khác mà đều phá các pháp, nên nói là tên khác mà nghĩa đồng. Lại từ trí đoạn khác nhau nghĩa biên, lại gọi là Biệt. Lại Bát-nhã này các pháp có mười sáu câu, đều thuộc về trước đến hai chỗ ba môn giải thoát sáu câu, này chính là mỗi câu nói theo viên, nếu từ thứ lớp, tức như trước nói phiền não Niết-bàn xuất nhập, trước y theo Tạng Thông nhập không xuất giả, nghĩa bao gồm Viên Biệt, thuộc về môn Đại thừa, y theo đây thì lẽ ra các pháp các trí sinh bất sinh, đều chung bốn giáo, cho nên văn trước ba mươi sáu câu.

Kế do tướng phân biệt mới lại Biệt xuất Biệt Viên, nay trong Bát-nhã tức so sánh ba trí ba cảnh, thời trong nhất trí đã bao gồm phân tích

thể, còn hai trí, tức là giả trung, ba trí rõ ràng không cần phải lập lại câu hỏi, cho nên không có văn phân biệt, lại trước gọi là phiên não cho đến Niết-bàn, mà nói xuất nhập, lại phải y theo hai giáo trước để nói. Nay nói Bát-nhã Bát-nhã vốn không cho nên liền y theo ba trí giải thích chung. Lại phiên não ở trước một bề y theo lược hiển thô định giáo, cho nên luận đoạn và bất đoạn nhập không xuất giả, nay trong Bát-nhã cho đến hiển bày đối thuyết bất định, nên có cảnh trí so sánh phát ra chẳng đồng, căn bản khai hợp y theo trước nên biết, ở trong đó trước nói xen phát mười sáu câu.

Kế nói xen chiếu mười sáu câu. Chỗ nói phát là phát có hai nghĩa.

1- Y theo không thể nghĩ bàn trong đó không biệt mà biệt dùng tướng luận để phát, phát trí đã vậy, chiếu cảnh cũng. Lại nếu cảnh xen phát trí nên nói về túc tập, nếu chuyển trí xen chiếu thì không nói phát tập, hoặc theo cảnh xen chiếu cũng là phát tập. Lại nếu hai trí không giả xen chiếu hai cảnh, thì thông thông biệt nghĩa cũng chung ở ba tạng Bồ-tát, trung trí chiếu hai, chỉ ở Biệt viên, nghĩa cũng chung ở Viên Biệt nhiếp thông. Nếu đặt tên Trung thì không có thể trung, cũng thông thông giáo bát địa và ba tạng Phật, nhưng không thông ở không giả chiếu trung, chiếu trung chỉ ở Biệt viên và nhiếp bốn xứ, lại nếu nói theo Biệt thì Bồ-tát ba tạng đến cây Bồ-đề mới được chiếu chân, cho nên phải dùng các giáo các vị, cao thấp các trí, quyền thật hữu vô, hoặc thiếu không thiếu, đoạn vị phục vị, thượng trung hạ căn, hoặc đơn hoặc phức, dùng lập cảnh trí, tự tại mà nói, nghĩa có chung riêng nên phải nói khắp, nếu được ý này nêu bày giải thích các câu các nghĩa nên theo, bao gồm các văn này xen phát xen chiếu, bao gồm văn chỉ cho đến khai quyền, chỉ là trí mâu cho đến cảnh mâu chiếu nhau phát nhau, thành mười pháp thành thừa ở Viên giáo, cho nên được mười sáu pháp mà tên khác, Bát-nhã đã vậy đến thân cũng giống như vậy, lại không phân biệt nói, rất là sâu xa.

Kế là nói ba mươi sáu thân, y theo trước dẫn luận làm lời hỏi đáp. Như pháp quán Phật. Phật tức là pháp thân, pháp thân nghĩa đúng với Niết-bàn Bát-nhã, sở ứng sở chiếu nghĩa tương đương với các pháp phiên não, nên được gọi là một tướng trong ba tướng, hoặc không biệt mà biệt, trong đây chánh đáng đức pháp thân, thân tướng của thân mong thành ba mươi sáu, hoặc tên khác mà nghĩa đồng, không cần phân biệt, đủ như ở cuối quyển hai dùng ba Bát-nhã mà so sánh ba thân, cảnh trí đã xen phát xen chiếu, nên khiến thân cũng xen khởi xen nhập, chiếu cảnh như nhập phát trí như khởi, nay nếu lại y theo nghĩa biệt, phân biệt

thắng ở thân Phật làm ba mươi sáu, lẽ ra lại khai ra hóa thân, do so sánh pháp báo, nên được làm bốn. Nói xuất nhập, hóa hưng là xuất hóa, dừng nghỉ là nhập.

Hỏi: Chỉ nghe ba thân từ pháp thân khởi, vì sao không nghe ba pháp khác từ hóa thân khởi, cho đến pháp báo từ ứng thân khởi?

Đáp: Từ thắng khởi biệt tức là thi quyền, từ biệt khởi thắng tức là khai quyền, “khoa tiết” là nói nghĩa không thể nghĩ bàn, không ở đâu chẳng phải pháp giới, nên được tướng khởi tướng nhập không ngại, tướng ấy thế nào?

Như hóa ứng tự nói nay thân ta đây là là pháp thân, huống chi là không có báo, năng khởi đã vậy, tướng nhập nêu bày ở đây, lý không khởi nhập là nói theo hóa duyên, đâu thể từ duyên mà quên ở lý. Lại nên dùng ba mươi sáu câu cảm ứng trong huyền văn mà so sánh. Ba thân hóa, ứng, báo gọi là hiển pháp tức là Minh.

Lại báo thân, cũng được gọi là minh, cũng được là hiển, vì phần báo thân ở tự thọ dụng khác nhau, cho nên nay vẫn cùng luận thâm hợp. Trong luận nói ba là một tướng, cho nên nghĩa đồng, tuy một mà ba nên lại nói biệt.

Kế giải thích cảnh bệnh hoạn, là trước gồm nói trong ý.

Vấn đầu nói lược hai bệnh quyền thật.

Ban đầu nói trong bệnh thật Nói: Bốn rắn là dụ cho bốn đại, trong đó lại dùng cú mèo tánh thặng để dụ cho hỏa phong, măng xà chuột ở hang để dụ cho địa thủy, đều là vẫn trong Kim Quang Minh. “Xi” là loài chim bất hiếu ăn thịt cha mẹ. “Mãng” là loài rắn lớn khí độc nặng, mật rất đắng, ba việc này đều dụ cho ấm khổ “Tẩu” là đầm lầy, trong đó không có người chỉ có nước tụ lại, cho nên dùng để dụ cho khổ không có chủ thể, do các pháp nhóm họp, nếu có đại nghịch lại có thể gây ra các điều ác, nên trong Đại kinh hai mươi một nói: Bốn rắn hại người, không rơi vào các ác, bốn đại hại người, quyết định rơi vào đường ác, bốn đại trái nhau nên gây ra các điều ác, gọi là hại người. Khí độc nặng, mật đắng suy nghĩ nên biết. Bốn nước làm lân cận, v.v... nghĩa là tiếp cận, bốn đại hòa hợp là nghĩa lân cận, này cũng là vẫn kinh Kim Quang Minh “hư” là “nhược”, “thừa” là “tiếp”, cũng là tiện, “hữu” là “mỹ”, “phủ” là “suy”. Cho nên trong Phẩm Không nói: Nghiệp lực cơ quan giả dối không nhóm họp, như nước lửa gió cùng tàn hại nhau, như bốn con rắn ở chung một giỏ, bốn đại rắn rết tánh nó đều khác, hai thượng hai hạ, các phương cũng vậy, hai tánh tâm thức tháo động không yên, Chư Phật thăm hỏi, v.v...: “hỏi” là “mạng”, này dùng thượng hỏi hạ.

Cho nên trong Trịnh Huyền nói: “tửu sinh” nói là hỏi, lại dùng hạ để khai thượng làm lời hỏi, nay ý văn đồng hỏi trái nhau.

Trong Hán Thư chép: Hỏi dứt dự định, “tấn” cũng là hỏi, cũng là lời rộng. Rộng là dùng ý mình nói lời hỏi, như trong kinh Pháp Hoa Đức Phật nhóm họp các phân thân, đều sai thì giả thăm hỏi Đức Thích-ca ít bệnh ít não, v.v... trong Đại luận rộng giải lời Phật thăm hỏi. Đức Phật chỉ bày đồng với người nên nói thiếu. Bệnh có hai nghĩa: Kế sau phân ra quyền thật, hoặc nằm ngửa ở sau, ban đầu nói tạm bệnh, tức như trong kinh Tịnh Danh nương phượng tượng bệnh, Quốc vương Trưởng giả Đại thần nhân dân đều đến hỏi bệnh, vì thân bệnh rộng nói pháp cho họ nghe, tức dùng phạm tục. Nói phân tích tiểu là như phẩm Đệ Tử, nói quả trách như phẩm Bồ-tát, lại do ngài Văn-thù truyền ý chỉ Như lai hỏi quả bệnh xong, tức tự hỏi rằng: Cư sĩ: bệnh gì, do đâu mà sinh cửu trụ, phải làm sao đã diệt.

Hỏi: Nhân bệnh, ngài Tịnh Danh do đó nói rộng về nhân bệnh, do đây để nói ba quán điều phục bốn giáo dẫn dụ, nói rộng nhân bệnh, cho đến quả bệnh. Người nói ngài Tịnh Danh quả trách riêng Thịnh văn, cho nên đầu kinh không ưa Thanh văn, văn sau cũng quả Bồ-tát. Vì sao đầu kinh cũng khen Bồ-tát? Có khen hay không khen từ kinh này hoặc tôn hoặc lược, này chính là không liên quan quả trách hay không quả trách.

Lại người xưa nói: Ý kinh Tịnh Danh bẻ dẹp Thịnh văn, nêu cao Bồ-tát, thất ý đồng với trước, nay chỉ nói bẻ dẹp Tiểu thừa riêng khen ngợi Viên giáo, đồng dùng tám chữ, được mất cách nhau như trời với đất, nên nay nói lược phân tích tiểu quả đại, ba quán chiết phục, v.v... đã nói như ở trước.

Kỳ diệt đàm thường: Trong văn Đại kinh là nương ứng tích diệt độ bản luận pháp thân viên thường, nên trong bài tựa ngài Thuần-đà thỉnh trụ qua lại với Văn-thù, đã khai tông thường, đến quyển năm chép: Ta vì các đệ tử chếtnh văn nói luận Tỳ-già-la, nghĩa là Như lai thường tồn không có đối khác, nên có ngôn thuyết là Như lai vô thường.

Thế nào là hai người không đọa lạc, khắp nơi trong văn nghiên cứu tử mĩ hỏi đáp, hiển bày Phật tánh thường hằng không thay đổi, nếu không do xương diệt thỉnh trụ, thì không nhờ đâu nói về thân thường không diệt, nhân bệnh mà nói lược, trong phẩm Hiện Bệnh, Ca-diếp hỏi Phật: Đức Như lai thuở xưa đã ở trong vô lượng muôn ức kiếp, tu hạnh Bồ-tát, thường hành ái ngữ, lợi ích chúng sinh, không làm cho họ khổ não, ngày nay tự nói bị bệnh, bạch Đức Thế tôn, người đời bị bệnh,

hoặc ngồi hoặc nằm thân ở không yên, hoặc xin ăn uống dạy bảo thân thuộc xây dựng sản nghiệp, vì sao Đức Như lai nằm yên lặng, không dạy đệ thầy chếtnh văn, vì sao không nói Thi-la, các thiền và giải thoát, v.v..., vì sao không nói kinh điển Đại thừa, vì sao không dùng vô lượng phương tiện, dạy tượng vương trong hàng Đại Ca-diếp, giúp cho không lui sụt tâm Bồ-đề, lại không trị các Tỳ-kheo ác, vì sao nằm yên lặng nghiêng hông bên phải, như trong kinh nói rộng. Lại nói: Đức Như lai bốn đại điều hòa thân lực đầy đủ. Ngài Ca-diếp lại dùng ba con trâu, mười bốn con voi, lực sĩ Bát-kiền-đê, ba Tỳ-na-la-diên, sau sau nữa tăng thêm mười mười so sánh một tiết Thập trụ, cho nên năng lực Bồ-tát rất lớn, hưởng chi là Đức Như lai thành đạo ban đầu ngồi dưới đạo tràng chứng được mười lực, ngày nay không thích hợp như trẻ thơ kia, nhân Đức Như lai liền phát ra ánh sáng rực rỡ các thứ thần biến, bảo Ca-diếp rằng: Thuở xưa, từ vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm ngàn muôn ức kiếp ta đã dứt trừ gốc bệnh, lìa hẳn dựa nằm, các chúng sinh này không biết Mật Ngữ Phương Đẳng Đại thừa, lại cho rằng Đức Như lai thật bị bệnh não, nói như vậy là đều do Ca-diếp hiện bệnh thừa hỏi, lại do bệnh là ba hoặc, quả bệnh là hai món sinh tử, chúng sinh thật hoặc và dứt chưa hết, quyền bệnh là các Đại Bồ-tát tùy theo dứt hoặc gì, thì sẽ chỉ bày hiện quyền đồng thật bệnh, như vậy quyền thật chẳng phải sở quán ngày nay, từ sở quán ngày nay ở sau có nêu. Nay cảnh sở quán là phạm phu bốn đại thật bệnh, nhưng do quán ám và phiền não, v.v... bốn đại thêm bớt tức ở trước dẫn kinh Kim Quang Minh nói về tướng bệnh làm cảnh ngày nay. Thượng trí lợi căn, v.v... là chánh nói ra ý, trước là pháp kế là dụ.

Trong pháp ban đầu nói thượng trí, v.v... người thượng trí hiểu trong cảnh ám nhập ở trước, an nhẫn không theo cương nhu. Đã vào Thập tín không cần đến này, nên văn trước nói: Nếu an nhẫn là không cần chín cữ, nghĩa là an ở trong ngoài bệnh hoạn phiền não, đây là bệnh hoạn về trước đã an xong, “tích” là nghiêng đổ, “trác” là như trong quyển ba có giải thích, độn căn bệnh nặng nên phải lớp lớp nói về quán hạnh, như đại thọ đá lớn chẳng phải một, một phen xuống một búa có thể xuyên đứt, nên nhắc lại ở đây nói về mười thừa, như ức xuống muôn búa, phạm bệnh lâu, v.v... nêu chung trong kinh có thể thành chướng ngại, nay ý văn này chưa chắc lâu dài, nhưng có khả năng chướng thiền, nên phải quán sát. Cho nên kinh A-hàm nói bốn pháp làm cho lui sụt quả A-la-hán, nghĩa là bệnh lâu dài, đi xa, can ngăn nhiều việc, nay chẳng phải hoàn toàn ở sau kết nói bốn tất.

Văn đầu tức thế giới, theo kinh nói ở sau chứng minh làm người, đã nói ba món học, tức sinh thiện ý, giới định như văn theo khởi tà đảo, ở sau tức là thất tuệ, do mất hiển đặc, đặc tức sinh thiện, giới định cũng vậy, lại nữa ở sau tức ý đối trị, trở lại ở sau tức là nghĩa bậc nhất.

Kế trong chánh giải thích văn tự thành năm, ban đầu trong tướng bệnh trước nói rõ, cho nên trong đó nói: “Chẩn là hầu mạch, nói nay không cần phải chuyên tinh phán xét, v.v... không cần phải như đến thượng trung hạ y được, quả thật là nói về pháp chẩn mạch, nay nói lược: Mạch là khí huyết của đạo sở hành, mạch pháp là vốn ở đạo thầy thuốc, chẳng thể biết đủ được, nay phải lược biết tướng của năm tạng mà dùng pháp trị. Tướng mạch bốn thời: Xuân huyền hạ hồng thu phù đông trầm, bốn mùa thổ vương, đối trị tướng ngã tạng, ngã hành, sinh ra tướng khác, để nói về tướng mạch, nói lược hầu pháp, từ ngư (cá) đến quán suốt gọi là xích trạch, tức ở mấu chỉ, sau đại ngang văn trước gọi là “ngư” sau văn rộng khắp gọi là quán, quán sau ba tắc gọi là “thốn miệng”, xích sau thốn trước, gọi là “quan dương”, gan tim ra trái, tỳ phế ra phải, thận trái là “mạng môn”, thận phải là “mạng căn”, khi phổi mạch đến thuận là cây du gọi là “kính”, như gió thổi lông gọi là “bệnh”, như liên châu gọi là “tử”, khi tim mạch đến như ống gọi là “bình”, như liên châu gọi là “bệnh”, trước cong sau thẳng như mang móc câu gọi là “tử”, khi gan mạch đến kém yếu gọi là “hình”, như gương cung huyền gọi là “bệnh”, như gà đạp đất gọi là “tử”, khi tỳ mạch đến, hà hà như diên, gọi là “bình”, như gà đưa chân gọi là “bệnh”, như chim mổ nước lậu gọi là “tử”. Khi thận mạch đến vi tế mà dài gọi là “bình”, như đạn đá gọi là “bệnh”, như giải thích sách gọi là “tử”, các mạch tạm lớn rồi lại nhỏ thành “ấm”, tạm nhỏ lại lớn gọi là “dương”, nhưng trong các thể văn dễ rõ, mà chỉ ở sau khó rõ, nay lại lược biết chưa phiên thật rõ ràng, nay văn nói tướng năm tạng chẳng phải tướng sinh, cũng chẳng phải tướng khác, nhưng ngay tạng quá tăng thêm mà thành bình, như tánh cây phần nhiều thẳng, nay quá to thẳng.

Kế là đại tánh thẳng, nay phần nhiều nhẹ nổi, tánh vàng cứng lợi, nay rất bén nhọn, tánh nước lưu chú nay thì giọt nước lách tách, tánh đất cứng rít nó rất trầm nặng, hoặc tánh quá phần đến nổi bệnh, hoặc suy nhược mà gây ra bệnh hoạn, hoặc xung khắc nhau là y theo ngã hành nên biết, từ dưới mặt không có sáng bóng, thể ngã tạng giảm bớt cho nên thành bệnh, gan là chủ của cây, nếu nhánh lá khô héo thì cây bị bệnh, cho nên không có sáng bóng, v.v... như cây không trơ, là tâm chủ lửa, nếu lửa mất màu không đỏ là lửa bị bệnh, bệnh phổi mầu

trắng là chủ vàng, mà nay mầu đen là phổi bị bệnh, thận chủ nước, chỗ trôi chảy ngăn trệ làm cho thể không có năng lực, nên thận bị bệnh, tỳ chủ đất, nếu như đồi gò không bằng thì tỳ bị bệnh, từ trên gan có vật trắng, năm hành tương khắc bệnh năm tạng sinh, nên dùng sáu khí để trị ở năm tạng, pháp trị phải ở trong pháp trị sau, nay văn so sánh ở đây nói lược là tiện, nên định trước ví dụ. Trong pháp trị văn sau lại không nêu ra, nhưng sáu khí này chỉ dùng hô hấp ngăn trệ tiếng phát ra hơi thành trị, cũng không hoàn toàn dùng thể chữ làm nghĩa, như thổi cũng có hơi lạnh.

Kế là hơi thở nói là xuất khí. “Hô” là hơi ấm. “Hy ha thi”, ba chữ này hoàn toàn không có thể chữ, chỉ có chữ “Hy”, tức tiếng bệnh, chỉ cần hô hấp, tiếng tựa như năm ấm, tức thuộc năm tạng lại trị năm tạng, dùng thì phải rằng nếu môi lưỡi điều hòa ra tiếng khiến không mất năm âm, “ha” thuộc về tiếng thương hơi thổi thuộc tiếng vũ, hơi thở thuộc tiếng trưng hy thuộc về tiếng cung, thị thuộc về tiếng giác, lấy năm hành so sánh thức thứ năm tạng. Nay đều dùng hơi trên bốn tạng để trị bốn tạng, cho nên dùng bốn tạng.

Đã khắc tha tạng, khiến cho tha tạng bệnh, nên dùng bốn khí kéo về bốn tạng, không để hại người, như phế hại gan là kim khắc mộc, lại dùng khí phế thấu lấy kim hành, còn bốn tạng y theo đây nên biết. Chữ “Lâm” là bệnh quý ấy như táo quân, chỉ là mầu đen, thận bị tỳ hại, tức thành bệnh thận, bệnh quý lại theo mầu bốn tạng, cũng như táo quân, trong bốn thứ nhất theo đủ năm mầu nói quý năm tạng. Nay văn chỉ lược về thận tạng để rõ, y theo thứ lớp của văn lẽ ra ở trong nhân duyên bệnh tức quý bệnh. Văn tùy tiện nên phó thác ở đây để nêu bày.

Kế giải thích tỳ nói mầu lỏng thùng kia: Nên nói là lỏng thùng mầu vàng, lại có nhiều mờ mịn là tướng bệnh sáu thông, ở đây là nói theo thể tục, cho nên một thần đều giữ một tạng vương ở sáu căn, ấm là căn bốn của thân, thông ở năm tạng năm căn như trong Kinh Luật Dị Tướng có chép: Xưa, có vị Quốc vương bảo người tìm sư tử con rằng “nếu ông tìm không được thì sẽ bị giết mạng ông”, sợ lệnh vua nên tìm khắp nơi, được sư tử con đem dâng lên vua, giữa đường nằm ngủ, sáu căn sáu thần đều tranh công. Mục thần nói “do ta nhìn thấy biết chỗ sư tử con”, nhĩ thần nói: “do ta nghe được nên biết được chỗ sư tử con”; Túc Thần nói: “do ta đi đến được nên mới bắt được sư tử con này”; Thủ Thần nói: “do ta nắm bắt được sư tử con”; Tỳ Thần nói: “do ta ngửi được nên bắt được sư tử con” các thần đều nói: “lưỡi thật không có công, “Thiệt thần không phục, hết lòng xin công ấy”.

Có một vị La-hán nhân đi qua gặp các vị thần nầy tranh cãi, sợ vua giết lầm, liền theo sư tử con đến chỗ vua, sư tử con đến trước. Vua hỏi sư tử con: Đây có phải là sư tử con chăng?

Đáp: Không phải.

Vua sai người giết.

La-hán trình bày đủ với Đại vương, người ấy được miễn tội chết. Văn ấy vốn dụ cho người ở các nơi đều có công chinh phạt, nếu người không có đức, thật là rất hại. Đây dụ tuy tợ mỗi người đều có căn thân, chẳng có hữu tình khác.

Kế là nói nhân duyên bệnh trong văn có sáu.

Kế là ăn không có chừng mực nên thành bệnh, cũng như trong Bát Vật Chí chép: Nếu người tạo ăn thì đồng với trăm bệnh yêu tà, ăn càng ít tâm càng sáng, ăn càng nhiều tâm càng tối, nên ăn không được ăn quá độ, trong Yếu Lãm chép: Nói về “bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra” nên người quân tử cẩn thận nói năng tiết độ ăn uống.

Kế nói tướng tổn ích: Nói từ ba lỗ lưng mà vào bốn chi. Trong Đại luận quyển hai mươi sáu có giải thích mười tướng rằng: Thí như cất rượu, cặn đục thành phân, trong thành nước tiểu. Lưng có ba lỗ, gió thổi nước mồ hôi bay vào trăm mạch, cùng máu trước ngưng tụ biến thành thịt, từ thịt sinh ra mỡ sáp cốt tủy, từ đây sinh gọi là thân căn, cho đến sinh ở năm tình và các căn, như đều do nuôi dưỡng thành sinh. “Phích” là nước không thể lưu hành. Lại lửa của thân ở sau dạy pháp điều hòa ăn uống.

Kế dẫn ngạn ngữ ở đời; kế ăn năm vị ở sau y theo tạng tạng tổn, rất dễ thấy: Ngồi thiền không có tiết độ thành bệnh.

Ban đầu nói nghi của thân không ngay, tâm thêm biếng nhác, kiêu mạn chuốc lấy bệnh ma.

Kế cùng trong phát ánh trái nhau, nói trong như trần, v.v... nói tám tướng xúc, tám xúc nầy có bốn thượng, bốn hạ, nói so sánh nói xúc, xúc thuận theo bốn đại, nên thuận theo tám xúc, nếu phát xúc trọng ở sáu, nói xúc trái thành bệnh, lại chỉ ở sau nói dùng chỉ quán do động bệnh.

Ban đầu dùng chỉ quán Trung quán quá mức nên tăng thành bệnh.

Kế nói dùng quán không điều hòa, năm trần năm tạng năm hành sinh nhau khắc nhau, trong mỗi trần lại đều có năm, phải nên khéo biết tướng sinh nhau khắc nhau chủ đối.

Ban đầu là năm sắc: Như Bạch Hổ Thông Bác Vật Chí chép: Gõ Phương Đông, vua Thái Hạo, giúp Câu Mang giữ phép bít mà trị thanh

xuân, sao thái tuế, là loài thú rồng xanh, âm giác kia, là ngày giáp ất, vị ấỵ chua, mùi hôi Hỏa phương nam; là vua Diêm Đế, giúp Chúc Dung giữ sao Hoành mà trị hạ, sao hỏa, loài thú chim đỏ, âm Trưng, là ngày Bính đĩnh, vị đấđng, hôi chấỵ.

Kim phương Tây; vua Thiếu Hạo, giúp Nhục Thâu giữ khuôn phép mà trị thu; sao Thái bạch, thú Bạch hổ, âm thương, ngày Canh tân vị cay, hôi tanh, phương Bắc thủy; vua Chuyên Húc, giúp Huyền Minh, nắm quyền mà trị đông, sao Thần kinh, thú Huyền vũ, âm vũ, ngày Nhâm quý, vị mặñ, hôi thối nát, trung ương thổ, vua Huỳnh Đế, giúp Hậu Độ, nắm cương lĩnh mà chế phục bốn phương, sao Trấn tinh, thú Huỳnh long, âm cung; ngày Mậu ky, vị ngọt, hơi thơm, giúp Quan chủ năm hành, đủ như trao thể thuốc pháp trong đó có nói, nên năm thịnh cũng thuộc năm hành ngũ âm. Hồ Hoán thuộc Giác mộc, ngôn ngữ thuộc trưng hỏa, khốc thuộc trưng kim, ngâm thuộc vũ thủy, ca thuộc cung thổ, trong năm xúc, thể mộc thật hỏa táñh ấỵ, nếu so sánh bốn đạỵ phương Tây thuộc phong nên nhẹ, như ở vấñ, so sánh y theo ý kinh Đạỵ Tập. Nếu theo tục vấñ, như trong Bát Vật Chí, v.v... các hơi tanh hôi như trước đấ giải thích.

Trẻ thơ là anh cảnh sức, như trong Thiên Thương Hiệt nói: Con trai gọi là nhi, gái gọi là anh, là chung cả nam nữ, cho nên giải thích tên, người mới sinh gọi là trẻ thơ, trước ngực gọi là anh, đĩu dấđt anh trước đó mà nuôi dưỡng gọi là anh, như Quốc vương, v.v... thứ hai vốn không có vấñ này. “Cung” là chấp tay, cũng như Trương hoa trị bệnh cho Lý Tử Dự, bị bệnh quỷ rất nặng mà không chịu trị. Hoa là đi tránh, Dự tự đi ngựa đườĩ theo. Hoa bèn xuống đườĩ núp, nghe trong cỏ có quỷ, mà hỏi nhau rằng: “Đế sao không trốn”

Đáp: Tôi đắng bị bệnh nặng kim châm không đượç, cần gì phải trốn, chỉ sợ dùng tám độc hoặñ. Chốc lát Tử Dự đếñ, Hoa lại dùng tám độc mà rửa, bệnh quỷ ấỵ kêu la mà đi ra khỏi đắm cỏ, quỷ cũng không lừa đốĩ người bệnh sau đó nói vì bị bệnh, do hành giả tà niệñ, cũng như dụ cho trong kinh, có thanh tín sĩ, ban đầu giữ năm giới tinh tấn không sát, lúc sau già suy thườĩng bỏ quên. Lúc bấy giờ trong núi có vị Phạm Chí tên khát, đếñ khát thực, việc ruộĩng nhà bậñ rộn không rảnh để tham kiến, bèn hận mà đi, Phạm Chí có thể khởi thi sai quỷ giết người rằng: Tôi bị nhục, tôi đếñ giết nó. Trong núi có vị La-hán biết đượç, đi đếñ đĩền gia bảo rằng: nay ông sớm tối nhang đờn quy y ba bảo, miệĩng tụng giữ miệĩng thân, đừĩng để phạm kệ, từ niệñ chúng sinh sẽ đượç an ổn. Sau khi Sa-môn đi người chủ y theo lời đạỵ, thông hiệủ niệñ Phật tụng

giới, quý đến sáng đi tìm Diên Gia, lỡ mờ muốn giết, quý thấy diên gia có từ tâm không thể hại được, phép bít của quý thần người sai phải giết, liền đến muốn giết, nhưng Diên Gia có đức không thể giết được, theo phép lại phải giết Phạm Chí sai quý thần, quý thần bèn tức giận muốn hại Phạm Chí, La-hán ngăn che để quý không thấy. Diên Gia ngộ đạo Phạm Chí được sống, không phạm tội sát, Diên Gia chuyên chú niệm Phật, suốt đời chỉ một pháp môn, phải biết chánh niệm quý không có dịp hại được, các việc này nên so sánh văn tụng bài tựa giới ngăn được quý ma, chánh là trong kinh Quan Âm chép lại văn của bốn nhân, cũng như Thái Công làm đàn quán dẫn khiến cho Long Thần con không thể đến cảnh làm gió to mưa mạnh, hướng chi là người dùng pháp Phật dưỡng tâm chánh niệm ư? Phải biết tà quý được nhập, là đều do tà niệm. Dẫn quý Hê-la, v.v..., tức trong văn trước có quý năm mẫu, có thể bị bệnh năm tạng. Trong bệnh năm ma, ban đầu cùng bệnh quý nói có khác.

Kế nói lý do bị bệnh, cũng do hành giả sinh tà niệm, trong bệnh sáu nghiệp nếu có các tội giết, đây là bệnh phá năm giới bệnh thuộc về năm tạng, tạng thuộc về năm căn, đồng với trước các ý không giết hại. Nếu muốn trị tùy theo tạng nào bệnh, biết phá giới nào để tăng thêm trị hay bớt. Nếu người trị giới thay đổi được bệnh tức nghiệp, tùy theo căn phán xét giới để suy nghiệm tội diệt, rồi sau dùng trị, quán tâm trị song sáu trị.

Kế nói pháp trị.

Trước chỉ bày trong đồng khác nói không thể cầm dao cầm mũi nhọn, v.v... dùng trị mất nghi như cầm dao mất cán, cầm mũi nhọn tổn thương tay, bệnh cũ không trừ hại, lại thêm bệnh mới.

Kế trong chánh dùng trị; ban đầu trong đồng đều nói khí điều hòa quân bình, “tuân” là “quân”, dẫn dắt theo ở rốn: Rốn đã là nguồn gốc của các ruột già và bao tử, khi ở trong thai từ rốn mẹ đi vào rốn con nên mẹ ăn từ rốn mà vào, để nuôi con, hơi thở cũng. Ban đầu con ở trong thai nương hơi thở mẹ, nên quen gọi là lấy mẹ làm hơi thở.

“Lữ” là xương sống.

Kế là dùng ở tâm đa diên, v.v... nên biết, tâm phần nhiều là các duyên trên, trên nóng là lửa giúp, hỏa tiêu các thức ăn năm tạng để điều hòa, phần trước thuộc về âm, thái âm tổn thương lạnh thiếu lửa nên loạn. “Tưởng Ngô Mao”: Nghĩa là nước Tưởng thêm văn, Ngô rõ suốt, Mao vui vẻ, đây là trình bày cơ quan cốt yếu, đều là cách bảm thọ hơi thở lại khí được dứt, có nói đủ như trong Bích Nham Lục, đây là đích thân nương Đại sư Trí Giả để bảm thọ pháp dạy bảo, được lợi ích việc

trị, cho nên dẫn ra.

Dẫn Hoàng đế năm hành sinh nhau khắc nhau: Là Hoàng Ưông Chánh “đế” là đức giống như trời đất gọi là “Đế”. Ban đầu, từ vàng hóa thành nước sinh ra ở sau rõ sinh nhau, từ lửa được nước ở sau nói tương khắc, nước gặp đất mà không trôi chảy, chữ “Hành” và năm hành nghĩa đồng, là lấy vận nên mượn âm này, như vàng khắc mộc ở sau là nói dụng trị, như vàng khắc mộc, phổi mạnh mà gan yếu, gan là gan bệnh, thì tìm dừng ở phổi, nên biết không bít ở chỗ bệnh tim. Lại dùng chỉ quán trị bốn đại, trong đây là tương đối lại thành trị, như tánh nước rộng trị gấp, còn các đại y theo đây.

Sáu khí trị: Là văn chỉ nói lược, trước nêu bày; kế giải thích, giải thích so sánh trong bệnh bốn đại.

“Đàm ẩm” chánh thể làm âm, năm tạng như trong tướng bệnh trước đã nói, nói bình thường nhỏ ra, đưa vào, v.v..., nhỏ ra nghĩa là tán trừ thô khí, nạp nghĩa là nạp vào an nghỉ, như bình thường ngồi thiền, đều phải làm cho lớn mạnh và đưa ra khí thô trong thân, chỉ một vài lên là đủ, chẳng phải chuyển thành trị bệnh, dùng trong hơi thở nói nương hơi thở, giả tưởng có mười hai tức y theo báo tức mà khởi giả tưởng, như sân do tâm biến mà làm cho hơi thở thô đầy, nên biết đều là tâm chuyển báo tức, khiến báo tức thô, nay giả tưởng cũng giống như vậy.

Kế trong giả tưởng chép: Biện cách trị bứu. Bốn thứ nhất nói: Như ở Cao-ly (Hàn Quốc) nói về cách trị bệnh bứu, giả tưởng bứu này, như bày lộ tổ ong, con ong ở tổ, chốc lát qua lỗ mà ra, mũ sừng chảy ra, con ong đi hết, các lỗ nhỏ như tổ ong trống, tâm tưởng thành rồi thì tiêu bệnh bứu, như người bị bệnh bít ruột nên dùng cách châm, nên làm chữ “Trưng”. Bốn thứ nhất nói: Như người lo lắng bệnh tắt ruột ngưng tụ ở bụng, tưởng thành kim châm vào bụng khiến cho ruột bị bít thông qua, như vậy thường làm không dừng, khi thông qua thì bị ngưng bít rồi lại đi, từ đây được lành mà thường bị bệnh lo thắc mắc, sau đó lại hỏi người rằng: Bệnh lo này đã khỏi, mà thắc mắc thường sau.

Người khác đáp rằng: Tưởng ông châm phá bít nghẽn, bít nghẽn phá mà kim châm vẫn còn, nay lại tác tưởng trừ kim châm, y theo đời nói mà khỏi.

Như trong kinh A-hàm dùng bớ, trong bốn thứ nhất nói: Tương nhu như bớ ở đánh nhỏ giọt vào não, rót chảy vào năm tạng nhuần thấm khắp thân, trị người lao tổn rất có hiệu nghiệm. Nếu theo Tạp A-hàm thì có bảy mươi hai pháp, dùng tưởng để trị, nhưng chẳng phải giải thích cho người độn căn đời sau.

Có thuyết nói: Đức Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có vị Tỳ-kheo trong ba tháng hạ ở trong rừng tu Tam-muội. Vương tử Lưu Ly cùng năm trăm vị Thích Tử cỡi voi dạo chơi, các voi đấu nhau, có voi đen tiếng như sấm sét, lại có tiếng nhỏ như con mèo, Tỳ-kheo Thích Tử vào phong quán sát phát tướng cuồng si, xuất định như voi say chạy, các Tỳ-kheo đóng cửa sợ bị tổn thương, có một Tỳ-kheo đến chỗ ngài Xá-lợi-phất hỏi: Cúi xin thương xót cứu giúp các Thích Tử.

Ngài Thân Tử đứng dậy dẫn A-nan đến chỗ Phật, bạch Phật rằng: Các Thích Tử phát cuồng năm việc:

- 1- Loạn thính
 - 2- Do tiếng xấu
 - 3- Do lợi dưỡng
 - 4- Do ngoại phong
 - 5- Do nội phong.
- Phải làm sao?

Phật nhân đó nói Tỳ-kheo Lan-nhã có bảy mươi hai bệnh, nói pháp Tu-na Bát-na, tiếng xấu bên ngoài chạm tâm căn bên trong, bốn trăm lẻ bốn bệnh mạch chậm tim gấp, đồng thời động loạn, sức gió mạnh đồng thời vào miệng, nên dạy pháp uống sữa mật và Ha-lê-lặc, nghĩa là buộc tâm một chỗ, trước tướng gương pha lê, tự quán thân mình ở trong gương thấy các việc cuồng, thấy rồi lại dạy, ông ở trong gương trừ tiếng, lưỡi để trên hàm ếch, tướng hai ma-ni ở trong hai tai, tướng ở trong như sữa nhỏ giọt chảy ra để hồ, thấm nhuần nhĩ căn làm cho không nghe được tiếng, như dầu mỡ trơn không hề lay động, tướng này thành rồi.

Kế tướng chín lớp Kim cương từ ma-ni phát ra che thân hành giả, ở sau có Kim cương hành giả ngồi trên đó, có núi Kim cương vây quanh bốn phía, bật dứt tiếng bên ngoài, trong mỗi núi xuất hiện bảy tòa Phật.

Nói Bốn niệm xứ, lúc bấy giờ vắng lặng không nghe tiếng bên ngoài tùy theo Phật dạy, ông phải tu tập cẩn thận chớ quên sót, nay lại nương bốn thứ nhất dùng bờ có lợi ích, lại nói: Mùa xuân nhập lửa Tam-muội ấm quá thành bệnh, nhập địa Tam-muội thấy thân thành núi không đá, phải mau trị, nhập nước Tam-muội thấy thân như suối nước lớn, nhập Tam-muội phong thấy thân như rỗng chín đầu, phải mau mà trị, các văn rộng như trong kinh đã nói.

Như cách nuốt rắn: Bốn thứ nhất nói: Như người ăn nuốt bóng con rắn, cho là rắn, do đó mà thành bệnh.

Người khác hỏi việc ấy biết nguồn gốc của bệnh rồi, liền đem mật

thuốc để răn chết, người bị bệnh kiệt ly, nói là răn ra, bệnh liền khỏi. Vẽ bóng răn trên vách vào trong chén rượu cũng giống như vậy.

Như trong kinh A-hàm chép: Ở nước Xá-vệ có vị Trưởng giả tên là Thần Cư, ông có một đứa tớ gái rất xấu, thường sai khiến các việc bên ngoài như cắt cỏ, lấy nước, v.v..., ngoài đồng có con suối, trên con suối có cây, trên cây có một cô gái xinh đẹp, tự thắt cổ chết, bóng hiện dưới suối, đứa tớ gái thấy cái bóng đó cho là bóng mình, liền sấn với mọi người “tôi xinh đẹp như thế mà sai tôi làm ruộng vườn, bèn đập bể bình về nhà vào ngòi trong màn bấu, mọi người cho rằng đứa tớ gái bị bệnh cuồng bèn hỏi, đứa tớ gái liền trả lời bằng những việc trước, vì sao mọi người không phân biệt, không thấy việc đã thấy gặp, liền cho soi gương, bèn thấy hình xấu, vẫn chưa tin, bèn cho rằng gương xấu, mọi người biết trước chỗ suối ấy có người nữ chết, bèn đưa đến chỗ suối, thấy bóng người con gái chết, tâm hiểu ra và hổ thẹn, quán tâm trị cũng như Đại sư Nam Nhạc khổ vì thủng dây chân, dùng lực quán đuổi bệnh tiêu khỏi.

Kế nói về phương thuật, ở giữa trước trị đời, nói như pháp trị nôn mửa, trong bốn thứ nhất nói, do sợ sệt liền khỏi.

Trong Tạp A-hàm nói, dùng tâm thờ quá gấp, lại chỗ ngủ sợ kém do phong hàn bên ngoài, do chuyển bao tử ống thận, v.v... trên nghịch ngực bít, mỗi tiết nước chảy dừng ở trong ngực, gọi là nôn mửa phải trị gấp, pháp trị như trong kinh có nói rộng.

Như cách trị răng. Trong bốn thứ nhất nói: Hưởng về sao Bắc-đẩu chú nguyện rằng “nếu răng đau, Bắc đẩu trị tự biết”, đau liền hết. Lại dùng răng chó từ ấm địa hưởng về dương địa chú nguyện rằng: “Khiến cho răng người hết đau, không khỏi ông mạnh, khỏi lại như cũ”, thì đau liền khỏi.

Như dùng ngón tay cái trị gan, năm ngón tay đứng đầu năm tạng, nên ngón tay cái đứng đầu về gan, đầu ngón tay đứng đầu về phổi ngón tay giữa đứng đầu về tim, ngón vô danh chủ tỳ, ngón út chủ thận.

Kế trong đó dùng chú nguyện cũng không trái. Như sơ kinh Pháp Hoa, dùng bốn món tất nhân duyên nên không trái, nay vẫn nhiều là ý đối trị, mạng sống trong hơi thở ra vào mà nói: Là miệng khiến qua đời chú này rồi vẫn phải thân nói rằng “A-NA-BÀT-NA”

Đau đánh bốn mươi năm mươi, khiến tâm dứt chỗ đau, như người Giang Đông lo chết, đều dùng tay đánh vai đến một vài trăm, lo liền khỏi.

Kế nói về tổn ích, tâm lợi bệnh nhẹ đốn ích, tâm lợi bệnh nặng

tâm ích, tâm độn bệnh nhẹ tiêm tổn, tiêm độn bệnh nặng đốn tổn, hơn nữa tuy tâm đốn khéo giải quán pháp cũng được thành tiêm đốn trong ích.

Nói về thế gian ở sau thương thán, nói “dong”, v.v... Dong là bọn phàm thường.

Không ý người, trong Quãng Nhã nói là ngu. Vận cao, v.v..., như Tượng Bá Tuyết ở Sính Nhân Bá Nha, cắt đứt dây đàn ở Tử Kỳ, nên Tăng Bưu có làm bài thơ rằng:

*“Chủng Kỳ không thể gặp, Ai nói khác giữa
tâm”.*

Chủng Kỳ nghe Bá Nha vỡ Sơn nói rằng:

“Vòi vọi toàn bộ đều cao”

Nghe đồn khác nước rằng:

“Mênh mông đây tai ư?”

Nên biết thanh vận nếu cao thì người hòa phải ít, nay cách trị hay nên người tin cũng ít.